

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

C.TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 558/BC-NSTP

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 4 năm 2022.

BÁO CÁO
Thường niên năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
- + Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI
- + Tên tiếng Anh: Quang Ngai Agricultural Products and Foodstuff Joint Stock Company.
- + Tên viết tắt: APFCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300321643 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư Quảng Ngãi cấp đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003, cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 19/7/2021.
- Vốn điều lệ: 200.077.840.000,0 đồng (*Hai trăm tỷ, không trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi ngàn đồng*).
- Địa chỉ: 48 Phạm Xuân Hòa, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại: (0255) 33827308; 3822529
- Email: apfco@apfco.com.vn
- Website: www.apfco.com.vn và www.apfco.vn
- Mã cổ phiếu: APF
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi theo Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 25/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Năm 2004: Đưa dự án đầu tư xây dựng Nhà máy SX tinh bột mì Sơn Hải (hiện nay là nhà máy SX tinh bột mì Quảng Ngãi – cơ sở 2) vào hoạt động.
- Năm 2005: Mua nhà máy SX tinh bột sắn Đắk Tô – KonTum.
- Năm 2006: Đưa dự án đầu tư Nhà máy SX tinh bột sắn Đồng Xuân vào hoạt động.
- Năm 2008: Mua nhà máy SX tinh bột sắn Tân Châu - Tây Ninh và Chợ Quảng Ngãi.
- Năm 2012: Đưa dự án đầu tư xây dựng Nhà máy cùn Đắk Tô vào hoạt động. Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến tinh bột sắn Sê Pôn –Lào.
- Năm 2013: Mua lại Nhà máy SX tinh bột sắn An Khê và đưa vào hoạt động.
- Năm 2014: Mua và thành lập công ty con: Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum. Nhận bàn giao hoàn thành đầu tư xây dựng Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn - Lào; Bàn giao lại chợ Quảng Ngãi cho UBND thành phố Quảng Ngãi.
- Năm 2015: Thành lập công ty con: Công ty TNHH tinh bột sắn Khánh Dương, Đắk Lắk và Công ty TNHH tinh bột sắn Gensun, Đắk Nông.
- Năm 2016: Mua và thành lập Nhà máy tinh bột sắn Đắk Song, Nhà máy tinh bột sắn Đồng Phú.
- Năm 2017: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên.
- Năm 2019: Góp vốn thành lập Công ty CP tinh bột sắn EaKar.
- Năm 2021: Sở hữu 100% vốn tại Công ty TNHH tinh bột sắn Đắk Nông.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất và kinh doanh tinh bột sắn	1062 (chính)
2	Trồng cây lấy củ có chất bột (sắn)	0113
3	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
4	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
5	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa phân vào đâu	2599
6	Lắp đặt thiết bị máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7	Xây dựng dân dụng	4100
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
9	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

TT	Tên ngành	Mã ngành
10	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu	4620
11	Bán buôn thực phẩm	4632
12	Bán buôn đồ uống	4633
13	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
19	Bán buôn tổng hợp	4690
20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
21	Cho thuê kho, bãi	5210
22	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
23	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sau tinh bột (tinh bột biến tính, cồn ethanol); - Chế tạo thiết bị cơ khí; - Đầu tư kinh doanh thai thác và quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; - Cho thuê văn phòng làm việc; - Xuất khẩu tín chỉ chứng nhận giảm thiểu phát thải; - Tư vấn công nghệ, đầu tư xây dựng và chuyển giao hệ thống xử lý nước thải, thu hồi khí Biogas - Sản xuất và kinh doanh cồn thực phẩm 	<i>Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

b. Địa bàn kinh doanh:

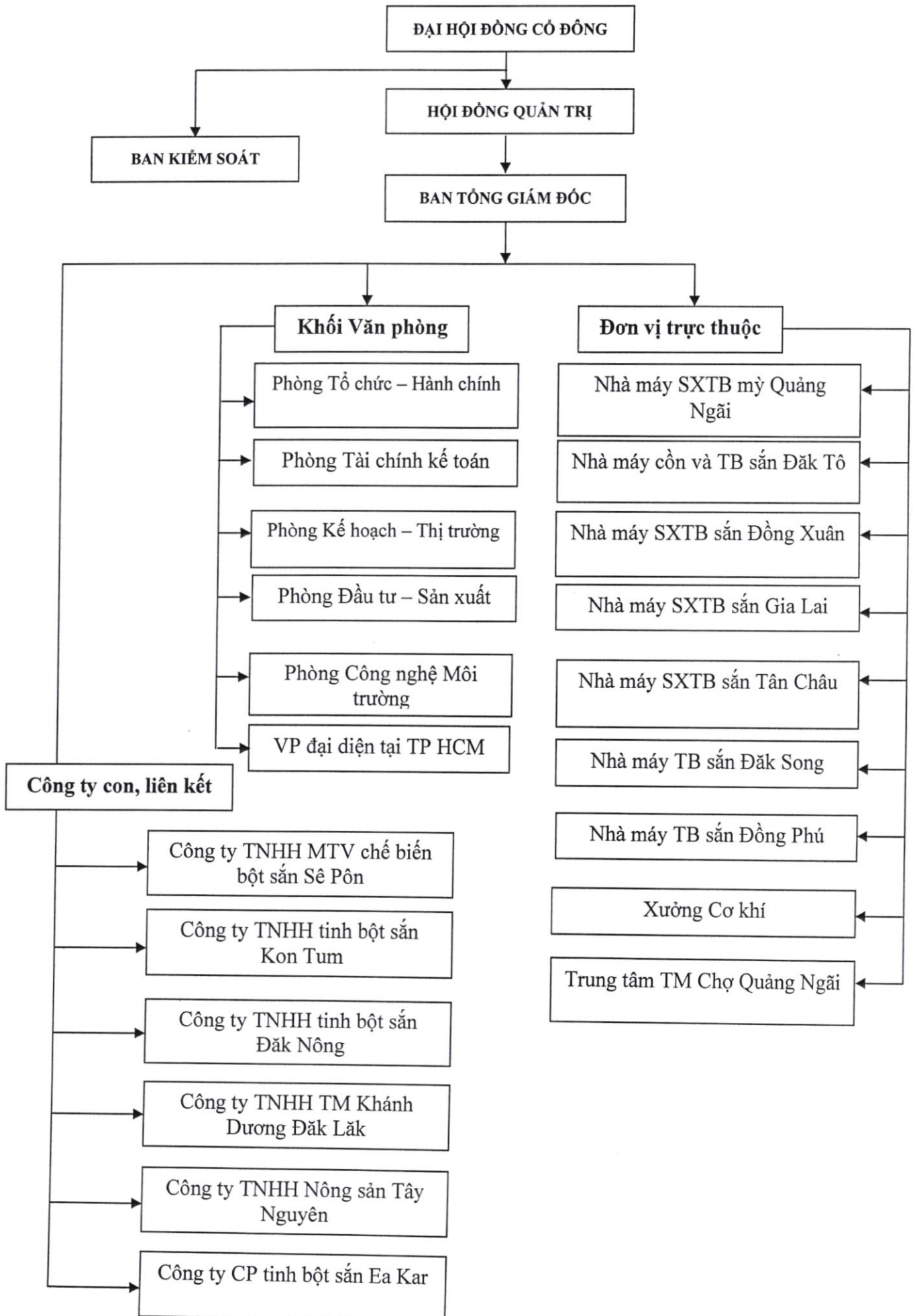
- Các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.
- Các nước Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban Tổng Giám đốc.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn	Bản Oa-Lay, huyện Sê Pôn, tỉnh Savannakhets, nước CHDCND Lào	Chế biến Tinh bột sắn	100%
2	Công ty TNHH Tinh bột sắn Đăk Nông	Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'lấp, Tỉnh Đăk Nông	Chế biến Tinh bột sắn	100%
3	Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum	Thôn Bình Giang, xã Sa Bình, Huyện Sa Thầy, tỉnh Kontum	Chế biến Tinh bột sắn	51%
4	Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đăk Lăk	Thôn 3, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk	Chế biến Tinh bột sắn	70%
5	Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên	Thôn 2, Xã Ea kiết, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam	Chế biến Tinh bột sắn	20%
6	Công ty CP tinh bột sắn EKAR	Thôn 9, xã Easar, huyện Eakar, tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam	Chế biến Tinh bột sắn	51%

4. Định hướng phát triển:

* **Mục tiêu chủ yếu của Công ty:** Phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, kinh doanh có hiệu quả, lợi nhuận ngày càng tăng, đem lại hiệu quả, lợi ích kinh tế cho nhà đầu tư, ổn định công việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt chính sách thuế đối với Nhà nước.

* **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung đầu tư nguồn lực về con người và tài chính để mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm tinh bột sắn, tinh bột biến tính và cồn thực phẩm, phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất và cung cấp tinh bột sắn hàng đầu khu vực.

- Sản xuất tinh bột biến tính là hướng đi lâu dài của Công ty nhằm tăng tính hiệu quả, tăng giá trị cũng như tính cạnh tranh. Căn cứ vào thị trường, khách hàng cụ thể đầu tư phát triển các sản phẩm tinh bột biến tính đáp ứng nhu cầu công nghiệp và thực phẩm.

* **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

- Xác định việc đầu tư cho xử lý môi trường là trách nhiệm xã hội nhằm đảm bảo phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy trong những năm qua Công ty đã triển khai đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ tiên tiến để xử lý hết

lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất của các nhà máy đảm bảo nước thải sau khi được xử lý sẽ đáp ứng yêu cầu Quy chuẩn trước khi thải ra môi trường; Đầu tư hệ thống ép sấy bã trong tất cả các Nhà máy toàn Công ty, đến thời điểm này toàn bộ lượng bã phát sinh trong quá trình sản xuất được sấy khô để cung cấp cho các đơn vị sản xuất thức ăn gia súc.

- Luôn cập nhật các giải pháp xử lý môi trường mới phục vụ trước mắt cũng như lâu dài. Đầu tư kinh phí thích đáng để giải quyết công tác môi trường.

- Nghiên cứu, tính toán áp dụng công nghệ mới để tiết kiệm điện, nước trong sản xuất và tiết kiệm tài nguyên đất trong xử lý môi trường.

- Thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng thông qua đóng góp các phúc lợi xã hội.

5. Các rủi ro:

*** Thế giới:**

- Tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh kinh tế toàn cầu, đặc biệt là tranh chấp Biển Đông.

- Kinh tế thế giới sẽ tiếp tục suy giảm tăng trưởng, gặp nhiều rủi ro. Mỹ sẽ tiếp tục gia tăng chính sách bảo hộ hoặc gây sức ép buộc các nước nhập khẩu nhiều hơn từ Mỹ. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung sẽ tiếp tục phức tạp hơn, việc Trung Quốc cam kết tăng nhập khẩu số lượng lớn hàng hóa lớn từ Mỹ cũng đặt ra nguy cơ Trung Quốc giảm nhập khẩu từ các nước khác, trong đó có Việt Nam.

- Dịch bệnh Covid-19 trong nước và trên thế giới vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, kinh tế phục hồi chậm. Chuỗi cung ứng logistics toàn cầu vẫn đứt gãy, chưa có dấu hiệu phục hồi.

- Trung Quốc tiếp tục thực hiện chính sách zero covid, kiểm soát nghiêm ngặt, ảnh hưởng đến tiêu thụ nông sản nói chung và tinh bột sắn nói riêng; Giá tinh bột sắn khó dự báo.

- Xung đột giữa Nga - Ukraina kéo theo các lệnh trừng phạt tạo ra nhiều rủi ro cho nền kinh tế toàn cầu, làm rối loạn thị trường tài chính. Giá năng lượng tăng cao làm tổn hại người tiêu dùng, khủng hoảng năng lượng toàn diện có thể dẫn đến suy thoái toàn cầu.

*** Trong nước:**

- Chi phí: Điện, tiền lương và vận chuyển đều tăng.

- Thời tiết khô hạn kéo dài, nhất là các tỉnh miền Trung, tình hình dịch bệnh đối với cây sắn ảnh hưởng đến diện tích và sản lượng nguyên liệu; cạnh tranh thu mua nguyên liệu gay gắt.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	TH/KH (%)
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.750.000	5.472.484	115,21
2. LN sau thuế C.ty mẹ	Triệu đồng	100.000	164.761	164,76
3. Cổ tức	Đồng/CP	3.000 - 4.000	5.000	
4. Thu nhập (người/tháng)	1.000đ	9.750	10.910	111,90
5. Sản phẩm tinh bột sắn	Tấn	490.000	477.238	97,40
5.1 Công ty sản xuất:		343.000	320.509	93,44
- Tinh bột thường	Tấn	283.000	251.804	88,98
- Tinh bột biến tính	Tấn	60.000	68.705	114,51
5.2 Cty con, liên kết:	Tấn	147.000	156.729	106,62
6. Còn thực phẩm	m ³	10.000	10.337	103,37

1.2 Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Doanh thu đạt 115,21% so với kế hoạch chủ yếu là do giá tinh bột cao hơn năm trước. Tổng sản lượng tinh bột sắn tiêu thụ là 442.971 tấn, bằng 93,97% so với năm trước và đạt 92,29% kế hoạch (480.000 tấn).

- Lãi ròng đạt 164,76% so với kế hoạch nhưng chỉ bằng 79,84% năm 2020, trong 6 tháng cuối năm bằng 62,0 % cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu là do giá nguyên liệu cao, chi phí bán hàng tăng.

- Tổng sản lượng tinh bột sắn chỉ đạt 97,4% kế hoạch, chủ yếu do thiếu nguyên liệu ở Quảng Ngãi, Đồng Xuân và Eakar trong 6 tháng cuối năm. Các đơn vị vượt kế hoạch cao như Công ty Sepon, Nhà máy còn và tinh bột sắn Đăk Tô. Bột biến tính đạt 114,51% kế hoạch nâng tổng sản lượng đạt 68,7 ngàn tấn và đạt 150,9 % so với năm trước (tăng 23.183 tấn).

- Sản xuất còn có hiệu quả và đạt kế hoạch năm 2021.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Hội đồng quản trị:

- Ông: Võ Văn Danh Chủ tịch HĐQT
- Ông: Lê Tuấn Toàn Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông: Trần Ngọc Hải Thành viên HĐQT
- Ông: Đồng Văn Lập Thành viên HĐQT
- Ông: Lê Ngọc Hình Thành viên HĐQT

2.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- Ông: Trần Ngọc Hải Tổng Giám đốc
- Ông: Đồng Văn Lập Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Lê Ngọc Hình Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Trần Đức Thạch Kế toán trưởng

2.3 Ban Kiểm soát:

- Bà: Bùi Thị Như Hoa Trưởng Ban kiểm soát
- Ông: Phạm Văn Lâm Thành viên
- Ông: Lâm Đức Chính Thành viên

2.4. Danh sách ban điều hành

* Ông: Trần Ngọc Hải

Ngày tháng năm sinh : 01/01/1973
Địa chỉ thường trú : 180 Trương Quang Trọng, TP QNgãi
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số CMDN : 211925924
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3822542
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 343.121 CP, tỷ lệ: 1,71%

* Ông: Đồng Văn Lập

Ngày tháng năm sinh : 26/02/1976
Địa chỉ thường trú : Hẻm 581/26 Quang Trung, TP QNgãi.
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
Số CMDN : 211963747
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3819741
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 127.845 CP, tỷ lệ: 0,64%

* Ông: Lê Ngọc Hình

Ngày tháng năm sinh : 10/8/1977
Địa chỉ thường trú : Đức Thanh, Mộ Đức, Quảng Ngãi.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Hóa học
Số CMDN : 212042945
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3722579
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 283.800 CP, tỷ lệ: 1,42%

* Ông: Trần Đức Thạch

Ngày tháng năm sinh : 20/5/1974
Địa chỉ thường trú : Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số CMDN : 212127348

Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3822529
Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 207.799 CP, tỷ lệ: 1,04 %
(*Ghi chú:* Số cổ phần sở hữu được tính tại thời điểm chốt danh sách 14/3/2022).

2.5. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2021:

- Trong năm 2021 không có sự thay đổi nhân sự Ban Điều hành.

2.6. Số lượng cán bộ nhân viên:

Tổng số CBCNV-LĐ tại thời điểm 31/12/2021: 891 người. Chính sách đối với người lao động:

- Chế độ làm việc: Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

- Chính sách đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn hỗ trợ, khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

- Chính sách lương, thưởng: Hằng năm Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt đơn giá tiền lương và thực hiện chính sách phân phối lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người.

- Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động: Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Đã đầu tư thiết bị tách mù hydrocyclone trực tuyến cho các nhà máy Đăk Tô, Nông sản Tây nguyên, Mang Yang và Đăk Song.

- Đầu tư Dự án sản xuất bột biến tính tại Nhà máy Cồn và Tinh bột sản Đăk Tô, công suất 150 tấn SP/ngày đã thực hiện công tác đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 9/2021; nâng tổng công suất lên 450 tấn SP/ngày.

- Đã đầu tư nâng cấp Hệ thống xử lý nước thải hoàn thiện cho Nhà máy Tinh bột sản Đồng Phú.

- Trong năm đã tập trung đầu tư bổ sung một số thiết bị (cả công ty con) nhằm tăng tỷ lệ thu hồi, ổn định chất lượng sản phẩm; Tự chế tạo máy ép bã để bổ sung, thay thế cho máy ép bã cũ tại một số nhà máy; Chế tạo mới máy tách xác lớn đường kính 1,1m.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
I	Công ty con		
1	Công ty TNHH MTV Chế biến Tinh bột sắn Sê Pôn		
a	Tổng cộng tài sản	131.755.597.798	
	- Tài sản ngắn hạn	63.831.414.827	
	- Tài sản dài hạn	67.924.182.971	
b	Tổng cộng nguồn vốn	131.755.597.798	
	- Nợ phải trả	65.300.160.055	
	- Vốn chủ sở hữu	66.455.437.743	
	+ Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu	75.221.705.049	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	217.681.767.474	
	- Lợi nhuận trước thuế	30.607.368.612	
	- Lợi nhuận sau thuế	30.607.368.612	
2	Công ty TNHH Tinh bột sắn Kon Tum		
a	Tổng cộng tài sản	196.096.868.401	
	- Tài sản ngắn hạn	126.918.422.501	
	- Tài sản dài hạn	69.178.445.900	
b	Tổng cộng nguồn vốn	196.096.868.401	
	- Nợ phải trả	104.997.787.801	
	- Vốn chủ sở hữu	91.099.080.600	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	47.848.094.338	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	488.283.545.610	
	- Lợi nhuận trước thuế	23.429.689.917	
	- Lợi nhuận sau thuế	23.429.689.917	
3	Công ty TNHH Tinh bột sắn Đắk Nông		
a	Tổng cộng tài sản	54.006.154.484	
	- Tài sản ngắn hạn	34.178.698.491	
	- Tài sản dài hạn	19.827.455.993	
b	Tổng cộng nguồn vốn	54.006.154.484	
	- Nợ phải trả	28.738.186.969	
	- Vốn chủ sở hữu	25.267.967.515	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.577.322.573	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	122.320.433.023	

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
	- Lợi nhuận trước thuế	3.315.087.505	
	- Lợi nhuận sau thuế	3.315.087.505	
4	Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đắk Lắk		
a	Tổng cộng tài sản	106.511.081.691	
	- Tài sản ngắn hạn	30.043.402.625	
	- Tài sản dài hạn	76.467.679.066	
b	Tổng cộng nguồn vốn	106.511.081.691	
	- Nợ phải trả	57.863.930.022	
	- Vốn chủ sở hữu	48.647.151.669	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	280285423468	
	- Lợi nhuận trước thuế	6.012.727.340	
	- Lợi nhuận sau thuế	6.012.727.340	
5	Công ty CP Tinh bột sắn Eakar		
a	Tổng cộng tài sản	96.176.076.703	
	- Tài sản ngắn hạn	55.794.037.171	
	- Tài sản dài hạn	40.382.039.532	
b	Tổng cộng nguồn vốn	96.176.076.703	
	- Nợ phải trả	53.709.470.110	
	- Vốn chủ sở hữu	42.466.606.593	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	227.427.397.521	
	- Lợi nhuận trước thuế	7.768.751.514	
	- Lợi nhuận sau thuế	7.768.751.514	
II	Công ty liên kết		
1	Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên		
a	Tổng cộng tài sản	114.668.305.386	
	- Tài sản ngắn hạn	36.356.148.797	
	- Tài sản dài hạn	78.312.156.589	
b	Tổng cộng nguồn vốn	114.668.305.386	
	- Nợ phải trả	30.210.906.228	
	- Vốn chủ sở hữu	84.457.399.158	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	296.554.353.062	
	- Lợi nhuận trước thuế	18.291.125.565	
	- Lợi nhuận sau thuế	18.291.125.565	

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính: ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.166.758.403.717	2.510.309.332.256	15,86
Doanh thu thuần	4.963.112.126.688	5.445.042.613.234	9,71
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	234.328.037.863	182.672.515.901	-22,04
Lợi nhuận khác/	-3.505.104.049	264.140.357	-107,54
Lợi nhuận trước thuế	230.822.933.814	182.936.656.258	-20,75
Lợi nhuận sau thuế	230.274.237.740	182.601.714.636	-20,70

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,88	0,93	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0,50	0,35	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,64	0,68	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,74	2,08	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,02	7,35	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,29	2,17	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,05	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,29	0,22	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,11	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05	0,03	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần: Tổng số CP đang lưu hành tại thời điểm 14/3/2022 là: 20.007.784 CP. Trong đó CP hạn chế chuyển nhượng là: 0 CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Diễn giải	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cơ cấu cổ đông lớn, cổ đông nhỏ		
	Cổ đông lớn	2.295.733	11,47%
	Cổ đông nhỏ	17.712.051	88,53%
2	Cơ cấu cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân		
	Cổ đông tổ chức	165.868	0,83%
	Cổ đông cá nhân	19.841.916	99,17%
3	Cơ cấu cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài		
	Cổ đông trong nước	20.007.784	100,00%
	Cổ đông nước ngoài		
4	Cổ đông Nhà nước, cổ đông khác		
	Cổ đông Nhà nước		
	Cổ đông khác	20.007.784	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nhằm tăng vốn lưu động đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm áp lực về vốn vay ngân hàng. Năm 2021 Công ty đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức để tăng vốn điều lệ từ: 181.891.460.000,0 đồng lên 200.077.840.000,0 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2021:

TT	Diễn giải	ĐVT	TH 2020	Năm 2021		So sánh (%)	
				KH	TH	TH2021/TH2020	TH2021/KH2021
I	KINH DOANH						
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	4.932.800	4.750.000	5.472.484	110,94	115,21
2	Lợi nhuận sau thuế Cty mẹ	Tr.đồng	206.352	100.000	164.761	79,84	164,76
II	MẶT HÀNG KD CHỦ YẾU						
1	Cồn	M3	11.900	9.000	10.782	90,61	119,80
2	Tinh bột	Tấn	471.400	480.000	442.971	93,97	92,29
3	Các mặt hàng thương mại	Tr.đồng	77.000	60.000	80.600	104,68	134,33
4	Chế tạo, sửa chữa (XCK)	Tr.đồng	23.500	20.000	30.225	128,62	151,13
III	SẢN XUẤT						
1	Tổng tinh bột và biến tính	Tấn	470.731	500.000	477.238	101,38	95,45
2	Thành phẩm cồn	M3	13.130	10.000	10.337	78,73	103,37

1.2 Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng doanh thu tăng cao so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước là do giá bán tinh bột sắn tăng.

- Lợi nhuận sau thuế Cty mẹ tăng 64,76% so với kế hoạch nhưng giảm 20,16% so với cùng kỳ là do giá thành nguyên liệu cao, chi phí bán hàng tăng.

- Tổng sản lượng tinh bột chỉ đạt 95,45% kế hoạch, chủ yếu do thiếu nguyên liệu ở Quảng Ngãi, Đồng Xuân và Eakar trong 6 tháng cuối năm. Một số đơn vị vượt kế hoạch cao như Sepon, Đắk Tô. Riêng bột biến tính đạt 112,6% kế hoạch và đạt 150,9 % so với năm trước (tăng 23.183 tấn).

- Sản xuất còn có hiệu quả, sản xuất thấp hơn cùng kỳ nhưng vượt kế hoạch;

- Dịch vụ thương mại: Doanh thu vượt kế hoạch và cao hơn cùng kỳ năm trước; Mặt hàng tinh bột sắn tăng đáng kể; Bia và thuốc lá giảm mạnh.

- Chế tạo và sửa chữa thiết bị: Giá trị chế tạo cao hơn năm trước và vượt kế hoạch, chủ yếu thực hiện dự án biến tính Đắk Tô công suất 150 tấn TP/ngày.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ SS
Tài sản ngắn hạn	1.134.044.364.360	1,441,944,036,738	127.15%
Vốn bằng tiền	56.118.571.543	36,209,576,874	64.52%
Các khoản phải thu	452.698.032.616	381,810,274,679	84.34%
Hàng tồn kho	488.649.582.099	898,995,134,593	183.98%
Tài sản ngắn hạn khác	136.578.178.102	124,929,050,592	91.47%
Tài sản dài hạn	1.032.714.039.357	1,068,365,295,518	103.45%
Các khoản phải thu dài hạn	4.051.604.205	4,051,604,205	100.00%
Tài sản cố định	934.209.353.662	992,245,707,252	106.21%
Tài sản dở dang dài hạn	48.089.215.208	22,368,897,912	46.52%
Đầu tư tài chính dài hạn	16.940.044.719	17,398,069,832	102.70%
Tài sản dài hạn khác	29.423.821.563	32,301,016,317	109.78%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.166.758.403.717	2,510,309,332,256	115.86%
Nợ phải trả	1.376.845.571.735	1,695,181,261,665	123.12%
Nợ ngắn hạn	1.286.540.219.758	1,557,990,022,171	121.10%
Nợ dài hạn	90.305.351.977	137,191,239,494	151.92%
Vốn chủ sở hữu	789.912.831.982	815,128,070,591	103.19%
Vốn góp của chủ sở hữu	81.891.460.000	200,077,840,000	110.00%
Thặng dư vốn cổ phần	93.084.150.620	93,084,150,620	100.00%
Vốn khác của chủ sở hữu	400.000.000	400,000,000	100.00%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(5.129.600.120)	(21,604,784,480)	421.18%
Quỹ đầu tư phát triển	207.875.093.160	224,832,843,289	108.16%

Lợi nhuận chưa phân phối	220.959.915.241	238,295,977,696	107.85%
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	90.831.813.081	80,042,043,466	88.12%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:	2.166.758.403.717	2,510,309,332,256	115.86%

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả đến 31/12/2021 cao hơn 31/12/2020 chủ yếu là do lượng hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2021 tăng cao so với thời điểm 31/12/2020 dẫn đến số dư nợ vay cũng tăng theo, nguyên nhân lượng hàng tồn kho tăng là do thiếu container giao hàng và thị trường tiêu thụ tinh bột sắn chính của Công ty là Trung Quốc thực hiện chính sách phong tỏa, đóng cửa biên mậu để phòng chống dịch Covid-19.

3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

- Môi trường: Về cơ bản Công tác xử lý môi trường tất cả các đơn vị thực hiện tương đối tốt, các đơn vị được đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo phương pháp sục khí, tách bùn nước thải đạt chuẩn xả thải trước khi xả ra môi trường, các đơn vị chưa đầu tư theo phương pháp sục khí tách bùn thì chỉ tiêu nước thải chưa ổn định;

- Tiền lương: Trả tiền lương, thưởng, tiền phép... cho người lao động kịp thời, đúng quy chế của Công ty.

- Bảo hiểm: Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như BHXH, BHYT, BHTN.

- Công tác VSCN, PCCC, ATLĐ được củng cố và quan tâm, cảnh quan môi trường ngày càng được cải thiện.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2021, mặc dù tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, nhưng với sự đoàn kết, nỗ lực từ HĐQT đến Ban điều hành cùng toàn thể công nhân viên lao động cũng đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong điều kiện cạnh tranh nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm, áp lực về nguồn vốn, tình hình dịch bệnh covid – 19 phức tạp, đứt gãy hệ thống logistic toàn cầu, chính sách zero covid của Trung Quốc làm cho các cửa khẩu đường biên thường bị đóng cửa,... dịch bệnh khảm lá sắn làm thiếu nguyên liệu; Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý công ty đã nỗ lực điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh công ty. Các chỉ tiêu doanh thu, sản lượng và lãi ròng đều vượt kế hoạch đề ra.

Ban điều hành công ty đã thực hiện tốt Nghị quyết, quyết định và các định hướng của HĐQT, tập trung một số điểm nổi bật như sau:

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 2021:

3.1. Về củng cố hệ thống quản lý; tổ chức - nhân sự, sắp xếp đội ngũ quản lý:

- Ban hành Nội quy lao động, thỏa ước tập thể theo quy định (Luật Lao động 2019) đã áp dụng trong toàn Công ty; Ban hành quy định điều động cán bộ quản lý và luân chuyển cán bộ trong hệ thống Công ty; Quy định điều động và hỗ trợ lao động sang công tác Công ty Sê Pôn...

- Sắp xếp, luân chuyển 14 vị trí cán bộ chủ chốt trong toàn công ty và công ty con, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực quản lý cơ sở;

- Việc điều chuyển, hỗ trợ lao động quản lý, kỹ thuật và lao động có tay nghề giữa các đơn vị cơ bản đáp ứng được nhu cầu tổ chức sản xuất của đơn vị;

3.2 Về đầu tư và phát triển:

- Đã đầu tư thiết bị tách mù hydrocyclone trực tuyến cho các nhà máy Đăk Tô, Nông sản Tây nguyên, Mang Yang và Đăk Song.

- Đầu tư Dự án sản xuất bột biến tính tại Nhà máy Cồn và Tinh bột sắn Đăk Tô, công suất 150 tấn SP/ngày đã thực hiện công tác đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 09/2021; nâng tổng công suất lên 450 tấn SP/ngày.

- Đã đầu tư nâng cấp Hệ thống xử lý nước thải hoàn thiện cho Nhà máy Tinh bột sắn Đồng Phú.

- Trong năm đã tập trung đầu tư bổ sung một số thiết bị (cả công ty con) nhằm tăng tỷ lệ thu hồi, ổn định chất lượng sản phẩm; Tự chế tạo máy ép bã để bổ sung, thay thế cho máy ép bã cũ tại một số nhà máy; Chế tạo mới máy tách xác lớn đường kính 1,1m.

- Công tác quản lý đầu tư được tốt hơn về chất lượng, tiến độ công trình, kịp thời đưa vào sản xuất;

3.3 Về thị trường, khách hàng và logistic:

- Thị trường xuất khẩu: Thị trường chính vẫn là Trung Quốc, tuy nhiên do Trung Quốc thực hiện chính sách Zero Covid nên cửa khẩu biên giới hay bị đóng, xuất khẩu đường biên thường ách tắc; Xuất khẩu chính ngạch được nâng lên, tuy nhiên thường bị thiếu container, giá cước tăng cao, gấp 4 lần so với bình thường.

- Thị trường nội địa: Năm 2021 thực hiện chủ trương đẩy mạnh, phát triển thêm khách hàng nội địa, bước đầu đã có giao dịch mua bán với Vedan.

- Sản lượng tiêu thụ đạt: 442.971 tấn. Trong đó: Bột thường 375.490 tấn, chiếm tỉ lệ 84,76%; Bột biến tính 67.481 tấn chiếm tỉ lệ 15,24%, tăng 21.400 tấn so với năm 2020 (năm 2020 đạt 46.000 tấn, tỉ lệ 9,76%); sản lượng còn tiêu thụ 11.000m³, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

- Công tác logistic: Chủ động sử dụng kết hợp giữa vận chuyển của Nhà máy và các dịch vụ logistics từ bên ngoài để đáp ứng được nhu cầu giao hàng nhanh, thực hiện đóng container tại Nhà máy để đẩy nhanh tiến độ giao hàng; Nhìn chung công tác logistic có tiến bộ nhưng chưa đạt yêu cầu; Thực hiện tàu biển: 132.200 tấn, chưa đáp ứng kịp thời giao hàng, một phần do các cảng làm hàng chậm, thiếu tàu và mua bão; Đường sắt: 25.318 tấn, phương thức giao hàng bằng đường sắt không ổn định, do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên hàng hóa thường tồn đọng tại

các ga Lạng Sơn và Đồng Đăng; Container: 176.122 tấn chiếm 63% tổng sản lượng xuất khẩu.

3.4 Vốn và quản lý vốn.

- Quản lý vốn, doanh thu, chi phí chặt chẽ. Cân đối sử dụng vốn hợp lý tiết kiệm chi phí; Thường xuyên cập nhật, theo dõi giá thành sản xuất, kết quả doanh của các chi nhánh và Công ty con/liên kết của Công ty;

- Công tác bán hàng và thu tiền tốt hơn nhiều so với năm 2020 từ đó tăng vòng quay vốn lưu động từ 4,07 vòng (năm 2020) lên 4,62 vòng, trong đó: Vòng quay hàng tồn kho từ 8,92 vòng (năm 2020) lên 10,23 vòng và vòng quay phải thu khách hàng tăng cao từ 13,15 vòng (năm 2020) lên 16,77 vòng.

- Tình trạng mất cân đối vốn lưu động ròng đã giảm nhưng chưa đáp ứng được mục tiêu cũng như yêu cầu của một số ngân hàng cho vay vốn.

- Công tác quyết toán vốn đầu tư có nhiều tiến bộ, không để tồn đọng công trình hoàn thành chờ quyết toán.

3.5 Về ổn định Công ty Sepon và chuẩn bị dự án ở Salavan:

- Đã thay đổi nhân sự bộ khung quản lý từ 09/2021, năng lực quản lý, điều hành và vận hành tăng lên rõ rệt, từ công tác nguyên liệu đến sản xuất, đến nay nhà máy đã sản xuất ổn định 150 tấn SP/ngày.

- Đang tiếp tục hoàn thiện thủ tục xin cấp phép đầu tư Dự án nhà máy chế biến tinh bột sắn tại tỉnh Attapeu và Salavan – Lào.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông: Võ Văn Danh	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	5,74%
2	Ông: Lê Tuấn Toàn	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	3,40
3	Ông: Trần Ngọc Hải	Thành viên HĐQT	1,71
4	Ông: Đồng Văn Lập	Thành viên HĐQT	0,64
5	Ông: Lê Ngọc Hình	Thành viên HĐQT	1,42

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban xây dựng cơ bản (Ban Đầu tư), gồm các thành viên sau:

+ Ông: Trần Ngọc Hải - Thành viên HĐQT – Trưởng Ban

+ Ông: Lê Tuấn Toàn - Thành viên HĐQT

- + Ông: Lê Ngọc Hình - Thành viên HĐQT.
- + Ông: Đồng Văn Lập - Thành viên HĐQT
- + Ông: Trần Đức Thạch - Kế toán trưởng Công ty.
- + Ông: Phạm Văn Lâm - Trưởng Phòng Đầu tư - Sản xuất
- + Ông: Đoàn Thu Sơn - Phó Trưởng Phòng Đầu tư - Sản xuất

- Thư ký:

- + Ông: Lê Ngọc Hình
- + Ông: Tôn Long Thành Nam
- + Bà: Võ Thị Nhi

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 12 phiên họp tại trụ sở chính của Công ty. Tại các phiên họp, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Tất cả các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều tuân thủ nghị quyết ĐHCĐ 2021, điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. HĐQT đã ban hành 24 nghị quyết và 35 quyết định liên quan đến các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư, tổ chức, quản lý, nhân sự,...

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà: Bùi Thị Như Hoa	Trưởng ban	2,06
2	Ông: Phạm Văn Lâm	Thành viên	0,39
3	Ông: Lâm Đức Chính	Thành viên	0,08

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên. Năm 2021 Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát về việc quản lý, điều hành của HĐQT và Ban điều hành trên một số lĩnh vực trọng yếu như sau:

- Thực hiện giám sát HĐQT triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2021 và Tổng giám đốc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và kế hoạch sản xuất kinh doanh của HĐQT trong năm 2021.

- Kiểm tra, rà soát, tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy trình nội bộ, Điều lệ các Công ty con đã ban hành nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Xem xét tính hợp lý, hợp pháp và trình tự thủ tục ban hành các Nghị Quyết, Quyết định của HĐQT, Quyết định của Tổng giám đốc Công ty phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật; quy định nội bộ về quản trị Công ty và công bố thông tin của Công ty theo qui định của UBCK Nhà Nước và Điều lệ Công ty.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, 6 tháng của Công ty.

- Tham gia xét chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán một số dự án đầu tư của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

Thu nhập của 05 thành viên HĐQT năm 2021 là từ thù lao do ĐHCĐ phê duyệt và từ tiền lương, thưởng kiêm nhiệm công việc chuyên môn, cụ thể như sau:

- Tiền thù lao hàng tháng của HĐQT: từ 8,2 - 16 triệu đồng/người/tháng;

- Tiền lương hàng tháng của Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm nhiệm trong Ban Tổng giám đốc, Giám đốc đơn vị từ 30 triệu - 60 triệu đồng/người/tháng.

- Tiền thưởng vượt kế hoạch năm 2020 của các Thành viên HĐQT từ 114 đến 160 triệu.

b) Ban Kiểm soát:

Tiền thù lao và thưởng của các thành viên BKS trong năm 2021 như sau:

+ Trưởng ban kiểm soát thù lao: 16.800.000đồng/tháng (thưởng vượt KH năm 2020 là 114.210.000 đồng)

+ TV.ban kiểm soát thù lao: 4.700.000đồng đến 6.500.000đồng/tháng (thưởng vượt KH năm 2020 là 55 triệu đến 68.530.000 đồng).

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan, cổ đông lớn đối với cổ phiếu của công ty: *Có Phụ lục số 01 kèm theo.*

VI. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm năm 2021 đăng tải tại Website: apfco.com.vn/Thông tin Nhà đầu tư/Báo cáo tài chính 2021.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Công bố website Cty;
- Lưu: VT,TK.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
Chủ tịch HĐQT**



Võ Văn Danh

**C.TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM
QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC SỐ 01
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY**

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại công ty/ Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Số CP tăng/giảm	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
1	Đông Văn Lập	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	120.445	0,60%	127.845	0,64%	7.400	Mua
2	Lê Ngọc Hình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	283.580	1,42%	283.800	1,42%	220	Mua
3	Bùi Thị Như Hoa	Trưởng Ban kiểm soát	413.462	2,07%	412.862	2,06%	(600)	Bán
4	Phạm Văn Lâm	Thành viên BKS	93.977	0,47%	76.477	0,38%	(17.500)	Bán
5	Phan Gia Thái	Giám đốc Nhà máy còn và TBS Đắk Tô	34.921	0,17%	29.921	0,15%	(5.000)	Bán
6	Võ Thị Nhi	Vợ ông Phan Gia Thái	36.857	0,18%	35.857	0,18%	(1.000)	Bán
7	Đỗ Đình Ban	Giám đốc Nhà máy Quảng Ngãi	50.600	0,25%	30.000	0,15%	(20.600)	Bán
8	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Vợ ông Trương Văn Quang Giám đốc Nhà	15.698	0,08%	18.498	0,09%	2.800	Mua

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại công ty/ Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Số CP tăng/giảm	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
		máy Tân Châu						
9	Tôn Long Thành Nam	Giám đốc TTTM Chợ Quảng Ngãi	77.026	0,38%	73.716	0,37%	(3.310)	Bán
10	Kiều Thị Đông Hà	Vợ ông Tôn Long Thành Nam	-	0,00%	7.200	0,04%	7.200	Mua
11	Tôn Thị Hoàng Chung	Em gái ông Tôn Long Thành Nam	3.989	0,02%	4.689	0,02%	700	Mua
12	Vũ Lam Sơn	Cổ đông lớn	1.267.266	6,33%	1.147.266	5,73%	(120.000)	Bán

